



Công ty Dịch vụ Kiểm toán & Tư vấn UHY
Kiểm toán . Thuế . Tài chính doanh nghiệp . Đào tạo

Tầng 5 - 6, Số 136 Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Việt Nam

Tel : (84-4) 7557 446
Fax : (84-4) 7557 448
Website: uhyvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Tháng 02, năm 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công thương. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Thị trấn Thác Mơ, Huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp;
- Trồng khai thác cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch./.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất, kinh doanh điện năng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2008 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Tuấn Hải	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Ninh Việt Định	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Anh Vũ	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Bùi Văn Thịnh	Ủy viên Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc

Ông Lê Tuấn Hải	Giám đốc
Ông Bùi Văn Thịnh	Phó Giám đốc (từ 01/12/2008)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại 31/12/2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 22 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY). Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ năm tiếp theo.

CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT VÀ SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *ur*



ur
Lê Tuấn Hải
Giám đốc

Bình Phước, ngày 18 tháng 02 năm 2009



CHÁNH VĂN PHÒNG

ur
Nguyễn Sỹ Thường

Tầng 5 - 6, Số 136 Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Việt Nam

Tel : (84-4) 755 7446
Fax : (84-4) 755 7448
Website: uhyvietnam.com.vn

Số. 08 /2009/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008
của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 1 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại thời điểm 31/12/2008, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số V.13, đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty chưa nhận được Quyết định xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần của cơ quan có thẩm quyền. Theo đó, một số chỉ tiêu trên nguồn vốn và các khoản liên quan đến việc xác định nguồn vốn nhà nước tại thời điểm đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần có thể thay đổi khi có Quyết định xác định giá trị phần vốn nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bằng văn bản.



Phạm Gia Đạt
Phó Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2009

Nguyễn Minh Long

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0666/KTV



CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Sỹ Thường

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		402.873.852.022	218.792.298.718
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.787.653.835	38.056.376.775
1. Tiền	111	V.01	4.787.653.835	38.056.376.775
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	178.701.000.000	28.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		178.701.000.000	28.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		214.596.592.422	148.706.487.965
1. Phải thu khách hàng	131		213.622.433.130	33.156.497
2. Trả trước cho người bán	132		164.710.000	-
3. Phải thu nội bộ	133		-	147.863.882.176
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	809.449.292	809.449.292
IV. Hàng tồn kho	140		4.410.405.765	3.985.433.978
1. Hàng tồn kho	141	V.04	4.410.405.765	3.985.433.978
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		378.200.000	44.000.000
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		378.200.000	44.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.191.084.820.518	1.298.023.852.183
II. Tài sản cố định	220		1.170.306.820.518	1.298.023.852.183
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	1.169.944.540.847	1.296.823.850.913
- Nguyên giá	222		1.964.361.108.630	1.962.569.835.627
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(794.416.567.783)	(665.745.984.714)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.06	362.279.671	1.200.001.270
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.778.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	20.778.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.593.958.672.540	1.516.816.150.901

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		811.876.862.209	29.777.923.845
I. Nợ ngắn hạn	310		241.060.197.501	29.777.923.845
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	77.624.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		893.428.873	3.069.105.211
3. Người mua trả tiền trước	313		228.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	10.100.797.304	20.360.663.236
5. Phải trả người lao động	315		4.029.942.271	4.609.786.421
6. Chi phí phải trả	316	V.10	30.006.007.107	1.200.001.270
7. Phải trả nội bộ	317		-	258.056.859
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.11	118.178.021.946	280.310.848
II. Nợ dài hạn	330		570.816.664.708	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	570.738.248.446	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		78.416.262	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		782.081.810.331	1.487.038.227.056
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	780.285.170.279	1.486.672.048.584
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	1.437.898.216.451
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.692.107.320	87.946.238
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.542.012.208	3.634.835.144
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		66.051.050.751	45.051.050.751
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.796.640.052	366.178.472
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.796.640.052	366.178.472
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.593.958.672.540	1.516.816.150.901

Bình Phước, ngày 18 tháng 02 năm 2009

Kế toán trưởng

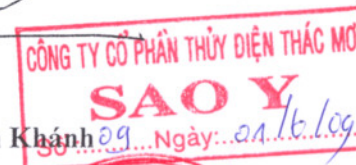
Giám đốc

Handwritten signature



Huỳnh Văn Khánh

Lê Tuấn Hải



CHÁNH VĂN PHÒNG

Handwritten signature

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Mẫu số B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	343.001.831.771	157.873.439.284
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	10		343.001.831.771	157.873.439.284
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	162.240.156.066	79.013.864.543
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		180.761.675.705	78.859.574.741
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.711.936.007	1.259.220.411
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	85.709.051.864	6.393.570.568
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		85.709.051.864	6.393.570.568
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.867.683.006	7.177.706.273
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		95.896.876.842	66.547.518.311
11. Thu nhập khác	31		264.545.448	438.681.907
12. Chi phí khác	32		228.407.503	299.130.768
13. Lợi nhuận khác	40		36.137.945	139.551.139
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		95.933.014.787	66.687.069.450
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		26.861.244.141	18.679.450.006
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		69.071.770.646	48.007.619.444
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			987	

Bình Phước, ngày 18 tháng 02 năm 2009

Kế toán trưởng

Giám đốc

Handwritten signature
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
SAO Y
Số: 29, Ngày: 01/16/09



Huỳnh Văn Khánh

Lê Tuấn Hải



Handwritten signature
Nguyễn Sỹ Thường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		95.933.014.787	66.687.069.450
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2	V.05	128.670.583.069	38.346.037.363
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(9.711.936.007)	(1.259.220.411)
- Chi phí lãi vay	6		85.709.051.864	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		300.600.713.713	103.773.886.402
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(65.996.304.457)	(96.609.737.369)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(424.971.787)	672.831.478
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		89.009.403.704	(9.392.089.991)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	130.981.435
- Tiền lãi vay đã trả	13		(56.065.324.428)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(40.237.627.400)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.786.062.500	82.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.944.033.420)	(2.882.815.832)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		226.727.918.425	(4.224.943.877)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(1.664.359.367)	(1.303.065.238)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(171.479.000.000)	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.711.936.007	1.259.220.411
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(163.431.423.360)	(43.844.827)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn của CSH	31		137.759.183.220	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		(875.657.399.671)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		998.362.248.446	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(350.000.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.029.250.000)	(1.179.223.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(96.565.218.005)	(1.179.223.495)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(33.268.722.940)	(5.448.012.199)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		38.056.376.775	43.504.388.974
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	4.787.653.835	38.056.376.775

Bình Phước, ngày 18 tháng 02 năm 2009

Kế toán trưởng

Giám đốc





 Huỳnh Văn Khánh
 Lê Tuấn Hải
 Nguyễn Sỹ Thường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công thương. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Thị trấn Thác Mơ, Huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp;
- Trồng khai thác cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch./.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất, kinh doanh điện năng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 20/03/2006, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp”, Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp”), và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng. Do đặc thù sản xuất điện, Công ty không có chi phí sản xuất kinh doanh điện dở dang cuối năm. Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm là chi phí liên quan đến công trình “Dự án Thác Mơ mở rộng”.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Lập dự phòng

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25
Máy móc thiết bị	6-10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

8. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

9. Ghi nhận doanh thu, chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi đơn vị có thể thu được các lợi ích kinh tế và có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

10. Thuế

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng của Công ty là 28%. Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định Lợi nhuận chịu thuế cũng như Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 42/2007/TT-BTC ngày 27/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03/09/1998, Nghị định số 147/2006/NĐ-CP ngày 01/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế Tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Tiền mặt	472.447.425	138.742.167
- Tiền gửi ngân hàng	4.315.206.410	37.917.634.608
Cộng	4.787.653.835	38.056.376.775

2. Các khoản khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	178.701.000.000	28.000.000.000
Cộng	178.701.000.000	28.000.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn, bao gồm cả khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống với giá trị 35.000.000.000 đồng.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Phải thu về cổ phần hoá	483.906.871	483.906.871
- Phải thu khác	325.542.421	325.542.421
Cộng	809.449.292	809.449.292

4. Hàng tồn kho

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Nguyên liệu, vật liệu	3.980.800.571	3.699.924.232
- Công cụ, dụng cụ	336.615.397	285.509.746
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	92.989.797	-
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	4.410.405.765	3.985.433.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	1.240.308.556.436	595.960.110.750	116.854.031.938	9.447.136.503	1.962.569.835.627
- Mua trong năm	-	1.791.273.003			1.791.273.003
Số dư cuối năm	1.240.308.556.436	597.751.383.753	116.854.031.938	9.447.136.503	1.964.361.108.630
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	464.602.684.007	161.553.083.931	32.878.850.080	6.711.366.696	665.745.984.714
- Khấu hao trong năm	41.004.168.269	75.374.863.378	11.030.818.160	1.260.733.262	128.670.583.069
Số dư cuối năm	505.606.852.276	236.927.947.309	43.909.668.240	7.972.099.958	794.416.567.783
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	775.705.872.429	434.407.026.819	83.975.181.858	2.735.769.807	1.296.823.850.913
Tại ngày cuối năm	734.701.704.160	360.823.436.444	72.944.363.698	1.475.036.545	1.169.944.540.847

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
Tổng số chi phí XD CB dở dang	362.279.671	1.200.001.270
Trong đó: Những công trình lớn:		
Công trình Gia cố chống xói lở kênh		
+ xả hạ lưu NM	-	260.377.095
Công trình nhà xưởng SC thành nhà		
+ văn phòng	-	713.283.757
+ Công trình sửa chữa Thanh Cái	362.279.671	-

7. Đầu tư dài hạn khác

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Góp vốn vào Công ty Srêpôk	10.800.000.000	-
- Góp vốn vào Công ty CP Thủy điện Sêsan 4	9.978.000.000	-
Cộng	20.778.000.000	-

8. Vay và nợ ngắn hạn

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Vay dài hạn đến hạn trả	77.624.000.000	-
Cộng	77.624.000.000	-

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Thuế GTGT	5.021.485.342	573.711.207
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.211.691.988	17.588.075.247
- Thuế thu nhập cá nhân	45.631.974	325.542.421
- Thuế tài nguyên	821.988.000	1.873.334.361
Cộng	10.100.797.304	20.360.663.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

10. Chi phí phải trả

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	362.279.671	1.200.001.270
- Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	13.601.671.880	-
- Lãi vay phải trả Công ty CP tài chính Điện lực	16.042.055.556	-
Cộng	30.006.007.107	1.200.001.270

11. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Bảo hiểm y tế	126.283.653	105.090.152
- Phải trả cổ tức Tập đoàn Điện lực	27.970.750.000	-
- Phải trả vốn đầu tư Tập đoàn Điện lực	89.535.968.005	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	545.020.288	175.220.696
Cộng	118.178.021.946	280.310.848

12. Các khoản vay và nợ dài hạn

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Vay Tập đoàn Điện lực	255.738.248.446	-
- Vay Công ty CP Tài chính Điện lực	315.000.000.000	-
Cộng	570.738.248.446	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

13a. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.437.898.216.451	1.437.845.984.789
+ Vốn góp tăng trong năm	137.759.183.220	52.231.662
+ Vốn góp giảm trong năm	875.657.399.671	-
+ Vốn góp cuối năm	700.000.000.000	1.437.898.216.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

13b. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	7	8	11	12
Số dư đầu năm trước	1.437.845.984.789	140.177.900	678.266.451	2.422.226.295	1.441.086.655.435
- Tăng vốn trong năm trước	52.231.662	-	-	-	52.231.662
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	2.956.568.693	48.007.619.444	50.964.188.137
- Giảm vốn trong năm trước	-	(52.231.662)	-	(4.199.571.493)	(4.251.803.155)
- Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn	-	-	-	(1.179.223.495)	(1.179.223.495)
Số dư cuối năm trước	1.437.898.216.451	87.946.238	3.634.835.144	45.051.050.751	1.486.672.048.584
Số dư đầu năm nay	1.437.898.216.451	87.946.238	3.634.835.144	45.051.050.751	1.486.672.048.584
- Tăng vốn trong năm	137.759.183.220	-	-	-	137.759.183.220
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	69.071.770.646	69.071.770.646
- Phân phối lợi nhuận	-	3.604.161.082	6.907.177.064	(13.071.770.646)	(2.560.432.500)
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(35.000.000.000)	(35.000.000.000)
- Trả vốn về Tập đoàn	(875.657.399.671)	-	-	-	(875.657.399.671)
Số dư cuối năm nay	700.000.000.000	3.692.107.320	10.542.012.208	66.051.050.751	780.285.170.279

Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm cả phần vốn của EVN được tạm ghi nhận từ trước khi cổ phần hóa, hiện đang chờ các cơ quan có thẩm quyền và Công ty thống nhất làm thủ tục quyết toán, bàn giao tài sản và vốn cho Công ty. Theo đó, khi có quyết định chính thức của cơ quan có thẩm quyền về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm cấp giấy chứng nhận kinh doanh Công ty cổ phần thì nguồn vốn chủ sở hữu và một số chỉ tiêu liên quan đến khoản mục này có thể thay đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	343.001.831.771	157.873.439.284
Trong đó:		
+ Doanh thu bán điện	342.535.049.514	153.339.729.505
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	466.782.257	4.533.709.779

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn sản xuất điện	161.813.565.671	74.755.370.258
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	426.590.395	4.258.494.285
Cộng	162.240.156.066	79.013.864.543

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.711.936.007	1.259.220.411
Cộng	9.711.936.007	1.259.220.411

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí lãi tiền vay dài hạn	85.709.051.864	6.393.570.568
Cộng	85.709.051.864	6.393.570.568

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin với các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu với các bên liên quan	342.535.049.514	155.376.527.861
- Tập đoàn điện lực Việt Nam	342.535.049.514	153.339.729.505
- BQL dự án Thác Mơ mở rộng	-	2.036.798.356
Chi phí các bên liên quan	72.116.677.184	613.537.764
- TT Viễn thông điện lực Miền Nam	9.297.200	101.424.000
- Chi phí lãi vay Tập đoàn Điện lực	56.065.324.428	-
- Công ty CP tư vấn điện 3	-	512.113.764
- Công ty CP Tài chính điện lực	16.042.055.556	-

1.2 Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
Các khoản phải thu	213.405.488.128	147.715.882.176
Công ty mua bán điện	77.961.122.861	-
Tập đoàn điện lực Việt Nam	135.444.365.267	146.633.671.653
BQL dự án thủy điện Thác Mơ	-	1.082.210.523
Các khoản phải trả	117.728.437.441	240.313.836
Tập đoàn điện lực Việt Nam	117.506.718.005	-
TT Viễn thông điện lực Miền Nam	9.297.200	27.891.600
TT điều độ hệ thống điện quốc gia	212.422.236	212.422.236
Các khoản vay	648.362.448.446	-
Vay của Tập đoàn Điện lực	298.362.448.446	-
Vay của Công ty CP tài chính Điện lực	350.000.000.000	-
Chi phí phải trả	29.643.727.436	-
Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	13.601.671.880	-
Lãi vay phải trả Công ty CP tài chính Điện lực	16.042.055.556	-